TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2025/DSST Ngày: 30/9/2025. *V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Xuân Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hoàng Long;

Bà Ngô Thị Hằng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải – Thư ký TAND khu vực 9 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30/9/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2023/TLST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1958. Có mặt

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956. Có mặt

Bị đơn: Ông Vũ Đăng H, sinh năm 1968. Có mặt

Bà Vũ Thị N, sinh năm 1969. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N - Hồ -, phường M, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

2. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1978. Có mặt

3. Anh Vũ Đăng D, sinh năm 1992. Có mặt

4. Anh Vũ Đăng T1, sinh năm 1994. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N - Hồ -, phường M, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P trình bày: Hộ gia đình ông, bà gồm có: Vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P và 02 con trai là Nguyễn Duy K, sinh năm 1978 và Nguyễn Duy B, sinh năm 1983.

Gia đình ông, bà hiện nay đang sử dụng 02 thửa đất: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 8, diện tích 204,1m^2 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 08, diện tích 480,2m^2 tại xóm ngòi, xã M, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (nay là tổ dân phố N - Hồ -, phường M, tỉnh Bắc Ninh).

Đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 08 diện tích 480,2m^2 có tứ cận như sau:

Phía Bắc một phần giáp thửa đất số 33 dài 17,6m và một phần giáp đường đi dài 2,5m.

Phía Nam giáp thửa đất nhà ông Vũ Trọng L.

Phía Tây giáp thửa đất nhà ông Vũ Đăng T2.

Phía Đông một phần giáp thửa đất nhà ông Vũ Đăng H dài 27,8m và một phần giáp thửa đất nhà bà T3 dài 5,7m.

Ông bà xác định phần đất phía Nam, B1, T4 và một phần phía Đông giáp đất nhà bà T5 từ trước đến nay không có tranh chấp. Đối với phần đất phía Đông giáp nhà ông Vũ Đăng H từ khoảng tháng 5 năm 2020 khi gia đình ông bà xây dựng công trình phụ thì mới xảy ra tranh chấp với ông H. Vì ông H cho rằng năm 1995 gia đình ông bà hỏi ông H cho xây nhờ tường trên phần móng nhà của gia đình ông H để làm tường chắn và gia đình ông bà xây lấn sang đất của gia đình ông H khoảng 08m^2.

Tại Bản án số 06/DSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N đòi gia đình ông bà 8m^2. Bản án còn nhận định khi đo đạc thì chính gia đình ông H theo hiện trạng sử dụng đất đã lấn sang đất nhà ông bà phần diện tích 5,9m^2. Tại Bản án phúc thẩm số 84/2021/DSPT ngày 09/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H và bà N, đồng thời giữ nguyên bản án sơ thẩm mà TAND huyện Thuận Thành đã tuyên.

Việc gia đình ông H theo hiện trạng sử dụng đất đã lấn sang đất của gia đình ông, bà 5,9m^2 đã làm cho mâu thuẫn hai gia đình ngày càng căng thẳng. Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 30/12/2020 của TAND huyện Thuận Thành đã không tuyên xử triệt để, phân định rõ ranh giới giữa hai gia đình mà chỉ nhận định trong bản án.

Trong quá trình giải quyết vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-DS do không nhận thức rõ quy định của pháp luật nên ông bà không đưa ra yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết. Mặc dù, Bản án số 06/DSST ngày 30/12/2020 của TAND huyện Thuận Thành đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa phân định ranh giới rõ ràng.

Do đó ông T, bà P yêu cầu ông H, bà N phải trả gia đình ông bà phần đất lấn chiếm là 5,9m^2. Theo kết quả đo đạc thì phần diện tích đất gia đình ông H lấn là 6,0m^2 ông bà nhất trí với kết quả đo và yêu cầu ông H, bà N phải trả phần diện tích đất lấn là 6,0m^2.

Phía bị đơn là ông Vũ Đăng H và bà Vũ Thị N quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhưng không có ý kiến trình bày. Theo hồ sơ vụ án đã thu thập được thể hiện:

Hộ gia đình ông gồm có: Vợ chồng ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N và 02 con là anh Vũ Đăng D, sinh năm 1992 và anh Vũ Đăng T1, sinh năm 1994.

Năm 1990 bố mẹ ông H là cụ Vũ Đăng X, cụ Nguyễn Thị L1 cho ông H thửa đất tại xóm H, xã M có diện tích 372,1m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 và gia đình ông H, bà N sinh sống trên thửa đất này. Đến ngày 13/4/1999 thửa đất số 37, tờ bản đồ số 08, diện tích 372,1m^2 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Vũ Đăng H. Từ khi bố mẹ ông H cho ông H, bà N thửa đất gia đình ông vẫn sử dụng ổn định và không tranh chấp với ai.

Tháng 6/2017 vợ chồng ông H, bà N có cho em trai ông là Vũ Đăng C một phần đất có diện tích 59,8m^2 để làm nhà, phần đất này giáp với phần đất của ông Vũ Đăng K1. Phần đất này có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường đi rộng 2,2m; phía Nam giáp đất nhà ông C1 rộng 2,2m; chiều dài là phía Đông giáp đất nhà ông K1; phía Tây giáp phần đất nhà ông dài khoảng 27m.

Khi vợ chồng ông H, bà N cho ông C phần đất này, vợ chồng ông H, bà N đã đến Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tặng cho. Ngày 20/6/2017 Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích còn lại của gia đình ông H, bà N là thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8, diện tích 312,3m^2 tại xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Vũ Đăng H. Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường đi dài 10,70m; Phía Nam giáp đất nhà ông C1 có 02 đoạn: 01 đoạn dài 11,62m; 01 đoạn dài 0,47m; Phía Đông giáp đất nhà ông K1 dài 27,15m; Phía Tây giáp giáp đất nhà ông T dài 27,86m.

Tháng 11/2019 khi ông T gọi ông H về để đo đất giữa hai gia đình để xác định ranh giới để ông T xây tường, ông T có nói với ông là xây tường thẳng nhưng ông không đồng ý. Vì vậy, ông T đã gọi cán bộ địa chính đến đo đạc và ông T đã công nhận là mượn đất của ông nhưng ông T không trả nên giữa hai gia đình xảy ra tranh chấp.

Nguyên nhân tranh chấp đất giữa gia đình ông và gia đình ông T là do năm 1995 ông T có hỏi vợ chồng ông H, bà N cho xây nhờ tường lên phần móng nhà của gia đình ông để làm tường chắn nên vợ chồng ông H, bà N đồng ý cho mượn. Vì vậy ông T đã xây tường trên phần móng nhà của gia đình ông H, bà N và dịch lại trụ cổng về phần đất của gia đình ông H, bà N để mở rộng lối đi. Do gia đình ông và gia đình ông T là hàng xóm nên khi ông T hỏi mượn đất giữa vợ chồng ông

H, bà N và ông T không viết giấy tờ và đo đạc cụ thể. Khoảng năm 2000 gia đình ông chuyển đến xóm C, xã M ở nên thửa đất này không ai sử dụng.

Nay ông T, bà P yêu cầu vợ chồng ông phải trả phần diện tích là 6,0m^2 ông bà không nhất trí.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Duy K và Nguyễn Duy B trình bày: Các anh là con ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P. Các anh đã đọc lời khai của bố mẹ các anh tại Tòa án. Các anh nhất trí với ý kiến trình bày của bố mẹ các anh về nguồn gốc thửa đất và quá tình sử dụng đất. Về yêu cầu của bố mẹ các anh đề nghị Tòa án buộc ông H, bà N phải trả lại gia đình các anh phần diện tích lấn chiếm là 6,0m^2 các anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bố mẹ các anh.

Do điều kiện công việc nên các anh uỷ quyền cho ông Nguyễn Duy T thay mặt các anh tham gia tố tụng và tự quyết định các vấn đền liên quan đến quyền lợi của các anh, ý kiến của ông T các anh nhất trí. Các anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Toà án và phiên toà xét xử (nếu có).

Anh Vũ Đăng D, anh Vũ Đăng T1 đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc nên không lấy được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N phải trả ông T, bà P phần diện tích 6.0m^2 theo kết quả đo đạc là hình C,8,F,G,C gồm đoạn 8;F dài 0,32m; F;G dài 8,88m; G;C dài 17,61m; C;8 dài 26,53m. Đề nghị Tòa án xác định ranh giới giữa hai gia đình.

Anh Nguyễn Duy K nhất trí với ý kiến của ông T, bà P và cũng không có ý kiến gì khác.

Anh Nguyễn Duy B nhất trí với ý kiến của ông T, bà P và đề nghị Tòa án buộc ông H, bà N phải bồi thường số tiền thuế gia đình đã đóng.

Ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà P đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đo đạc lại đất của hai hộ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu gia đình ông thừa gia đình ông nhất trí trả. Ranh giới hai gia đình là bức tường gia đình ông xây dựng năm 1992. Đối với trụ cổng của gia đình ông T, bà P năm 2000 ông T có nhờ gia đình ông, bà đất để mở rộng ngõ, khi ông T nhờ hai bên chỉ nói miệng không có văn bản.

Anh Vũ Đăng D trình bày: Năm 2020 khi giải quyết không chỉ rõ phần hiện trạng sử dụng đất, ranh giới, mốc giới ở đâu dẫn đến hiểu lầm. Đề nghị Tòa án đo đạc lại ranh giới hai thửa đất bằng hệ tọa độ VN2000.

Anh Vũ Đăng T1 trình bày: Đối với cạnh giáp đường anh đo bằng tay số liệu khác với kết quả đo nên đề nghị Tòa án đo đạc lại hai thửa đất đang tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh phát biểu tại phiên tòa ngày hôm nay về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dựa trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ và tranh luận, đối đáp của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 175, Điều 579 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông H, bà N phải trả phần diện tích 6,0m^2 là hình C,8,F,G,C gồm đoạn 8;F dài 0,32m; F;G dài 8,88m; G;C dài 17,61m; C;8 dài 26,53m.

Xác định ranh giới thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 480,2 m^2 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8p, diện tích 312,3 m^2 là cạnh C:8 có chiều dài 26,53m theo trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 25/4/2025.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 10.000.000đ. Yêu cầu của ông T, bà P được chấp nhận nên ông H, bà N phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá. Xác nhận ông H, bà T đã nộp số tiền 10.000.000đ nên buộc ông H, bà N phải trả ông T, bà P số tiền 10.000.000đ.

3. Về án phí: Ông H, bà N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N trả lại ông bà quyền sử dụng 5,9m^2 là hình tam giác theo kết quả đo là 6,0m^2 (hình A;6;12;13 gồm đoạn A-6 dài 0,33m; 6-12 dài 8,88m; 12-13 dài 16,78m; 13-A dài 25,68m) tại khu phố N - Hồ T, phường M, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (nay là tổ dân phố N - Hồ T, phường M, tỉnh Bắc Ninh) nên Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Theo ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P cho rằng quá trình sử dụng đất ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N đã lấn sang phần đất có diện tích 6,0m^2. Phần diện tích đất này là hình tam giác theo kết quả đo là hình C,8,F,G,C gồm đoạn 8;F dài 0,32m; F;G dài 8,88m; G;C dài 17,61m; C;8 dài 26,53m. Phía ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N cho rằng ranh giới hai hai đình là bức tường gia đình ông H xây dựng năm 1992. Đối với trụ cổng của gia đình ông T, bà P năm 2000 ông T có nhờ gia

đình ông H, bà N đất để mở rộng lối đi, khi ông T nhờ hai bên chỉ nói miệng không có văn bản.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xác minh tại UBND xã M (nay là UBND phường M) thể hiện:

Ngày 13/4/1999, hộ ông Vũ Đăng H được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8, diện tích 372,1m^2 tại xóm N, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là Tổ dân phố N - Hồ -, phường M, tỉnh Bắc Ninh). Theo Bản đồ địa chính năm 1997 được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh B phê duyệt thì thửa đất có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông dài 10,69m + 2,19m = (12,88m); Phía Nam giáp hộ ông S dài 11,63m + 2,65m = (14,28m); Phía Đông giáp hộ ông C dài 27,29m; Phía Tây giáp hộ ông T dài 27,85m.

Năm 2017 ông H tách cho em trai là ông C 01 phần đất phía Đông có diện tích 59,8m^2. Theo Bản đồ địa chính thì phần đất ông H tách cho ông C có kích thước các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông dài 2,19m; Phía Nam giáp đất hộ ông S dài 2,65m; Phía Đông giáp đất hộ ông C đang sử dụng dài 27,29m; Phía Tây giáp đất hộ ông H dài 27,85m.

Sau khi ông H tách cho ông C 01 phần đất phía Đông có diện tích 59,8m^2 thì hộ ông H sử dụng phần diện tích còn lại là 312,3m^2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/6/2017 thì hộ ông Vũ Đăng H được sử dụng 312,3m^2 thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8, tại xóm N, xã M, huyện T. Theo Bản đồ địa chính thì thửa đất của ông H có diện tích 312,3m^2 có kích thước các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông dài 10,69m; Phía Nam giáp hộ ông S dài 11,63m; Phía Đông giáp phần đất mà ông H đã tách cho ông C dài 27,15m; Phía Tây giáp hộ ông T dài 27,85m.

Hộ ông Nguyễn Duy T hiện đang sử dụng thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 480,2m^2 tại tổ dân phố N - Hồ -, phường M, tỉnh Bắc Ninh Theo Bản đồ địa chính thì thửa đất có kích thước các cạnh như sau: Phía Bắc: 01 phần giáp đường giao thông dài 2,50m; 01 phần giáp thửa đất số 33 dài 17,64m. Phía Đông: 01 phần giáp thửa đất của hộ ông H dài 27,85m; 01 phần giáp đất của hộ ông C1 dài 5,75m. Phía Nam giáp thửa đất của hộ ông K2 gồm 03 đoạn: dài 14,49m; 6,79m và 10,98m. Phía Tây: 01 phần giáp thửa đất 33 dài 12,32m; 01 phần giáp hộ ông H1, ông N1 dài 15,62m.

Theo kết quả thẩm định:

Thửa đất thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 480,2m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi. Phía Đông giáp hộ ông H. Phía Tây giáp thửa đất số 32. Phía Nam giáp hộ ông K2

Thửa đất hộ ông H đang sử dụng có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi. Phía Đông giáp hộ ông T2. Phía Tây giáp thửa đất hộ ông T. Phía Nam giáp hộ ông K2

Theo kết quả định giá: Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thực tế chuyển nhượng tại thời điểm định giá là 20.000.000đ/m^2.

Tài sản trên phần đất tranh chấp là 01 trụ cổng đã hết khấu hao nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá.

Theo kết quả chồng lấn giữa bản đồ và hiện trạng sử dụng thực tế thì phần đất của ông H, bà N lấn sang phần đất của ông T, bà P phần diện tích là 6,0m^2. Phần diện tích đất này theo kết quả đo là hình tam giác C,8,F,G,C gồm đoạn 8;F dài 0,32m; F;G dài 8,88m; G;C dài 17,61m; C;8 dài 26,53m.

Mặt khác, tại Bản án sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xác định gia đình ông H sử dụng cả phần đất của thửa số 36 của hộ ông T, bà P theo kết quả đo đạc là hình A;6;12;13 có diện tích là 5,9m^2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N đề nghị Tòa án buộc ông T, bà P phải trả phần diện tích 08m^2. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H, bà N có đơn kháng cáo, tại Bản án phúc thẩm số 84/2021/DSPT ngày 09/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà N.

Từ những nhận định trên có căn cứ xác định quá trình sử dụng hộ ông H, bà N đã sử dụng phần đất của hộ ông T, bà P là 6,0m^2. Do đó ông T, bà P yêu cầu ông H, bà N phải trả phần diện tích 6,0m^2 là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay ông H, bà N, anh D và anh T1 đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thẩm định lại hai thửa đất tranh chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án hộ ông H không yêu cầu Tòa án thẩm định lại hai thửa đất tranh chấp đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ông H mới có đơn đề nghị thẩm định lại. Quá trình giải quyết vụ án từ năm 2020, năm 2021 ông H là nguyên đơn cũng không nhất trí với kết quả thẩm định nhưng không làm thủ tục đo đạc lại và nay Tòa án giải quyết đã tiến hành đo đạc lại ông H không nhất trí nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ việc thẩm định của Tòa án trong quá trình giải quyết là không đúng nên không chấp nhận đề nghị của ông H, bà N, anh D và anh T1.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Duy B yêu cầu ông H, bà N phải bồi thường số tiền thuế gia đình đã đóng. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án anh B không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay anh B mới yêu cầu là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết nếu anh B có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ việc khác khi có yêu cầu.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 10.000.000đ. Yêu cầu của ông T, bà P được chấp nhận nên ông H, bà N phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá. Xác nhận ông H, bà T đã nộp số tiền 10.000.000đ nên buộc ông H, bà N phải trả ông T, bà P số tiền 10.000.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu của ông T, bà P được chấp nhận nên ông H, bà N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 175, Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N phải trả ông T, bà P phần diện tích đất 6.0m^2 là hình C,8,F,G,C gồm đoạn 8;F dài 0,32m; F;G dài 8,88m; G;C dài 17,61m; C;8 dài 26,53m.

Xác định ranh giới thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 480,2 m^2 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8p, diện tích 312,3 m^2 là cạnh C:8 có chiều dài 26,53m theo trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 25/4/2025.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 10.000.000đ. Yêu cầu của ông T, bà P được chấp nhận nên ông H, bà N phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá. Xác nhận ông H, bà T đã nộp số tiền 10.000.000đ nên buộc ông H, bà N phải trả ông T, bà P số tiền 10.000.000đ.

3. Về án phí: Ông Vũ Đăng H, bà Vũ Thị N phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị P được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không xem xét, giải quyết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 9;
- PhòngTHADS khu vực 9;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Đình Quế Lê Bá T6	***Nguyễn Thị Minh T7***